CREATE DATABASE tblKhoa

Go

-- sử dụng DB SQLQuerry

USE tblKhoa

GO

-- tạo bảng tblkhoa có 3 thuộc tính

CREATE TABLE tblKhoa

(

tenkhoa NVARCHAR(20),

makhoa CHAR(20),

dienthoai INT

)

GO

CREATE DATABASE tblSinhVien

Go

USE tblSinhVien

GO

CREATE TABLE tblSinhVien

(

mssv INT,

hoten NVARCHAR(30),

makhoa CHAR(50),

ns int,

que CHAR(30)

)

go

-- gỡ khỏi bảng DB

DROP TABLE tblkhoa

go

-- sửa bảng, thêm cột ngày sinh

ALTER TABLE tblkhoa ADD NgaySinh Date

-- xóa toàn bộ dữ liệu của bảng

TRUNCATE TABLE tblkhoa

-- gỡ bảng khỏi DB

DROP TABLE tblSinhVien

GO

-- CREATE: TẠO BẢNG

-- ALTER: thay đổi cấu trúc và các ràng buộc

-- DROP: xóa

-- INSERT: thêm/dòng vào bảng

-- DELETE:Xóa dòng trong bảng

-- UPDATE: sửa nội dung trong bảng

-- SELECT: tìm kiếm trong các bảng

-- các kiểu dữ liệu hay sử dụng

-- int: kiểu số nguyên, tập hợp N; ví dụ: -9, 8, 3, 10, -6

-- float: kiểu số thực, tập hợn R; ví dụ: -0.5, 0.9, 10, 9.6

-- char: kiểu ký tự. Không viết tiếng việt được. Độ nhớ cấp phát cứng. Ví dụ: A, a, B, b, k, f. char(10)-> 10 ô nhớ này không ai được động vào. Luôn giữ 10 ô nhớ

-- varchar: kiểu ký tự. Không viết tiếng việt được. Bộ nhớ câp phát động. varchar(10)-> 10 ô nhớ này chỉ được lấy khi có dữ liêu nằm bên trong.

-- ví dụ:'Manh' -> chỉ dùng 4 ô nhớ

-- nvarchar: kiểu ký tự. Có thể lưu tiếng việt. như char

-- date: lưu trữ ngày, tháng, năm, giờ.

-- time: lưu trữ giờ, phút ,giây...

-- byte: lưu giá trị 0 và 1

-- text: lưu văn bản lớn

-- ntext: lưu văn bản lớn có tiếng việt

CREATE TABLE Test

(

Doc nvarchar (50), -- khai báo trường Doc kiểu nvarchar cấp phát động 50 ô nhớ

MaSV CHAR (10), -- khai báo trường MaSV kiểu char cấp phát cứng 10 ô nhớ

Birthday DATE,

Sex BIT, -- lưu giá trị 0 hoặc 1

)

GO

-- MaSV lưu 10 ô nhớ. MaSV = '1234567890Manh' -> Kết quả lưu trữ sẽ là:

-- 1. '1234567890'

-- 2. '67890Manh'

-- 3. Câu trả lời của bạn